**Mẫu số 08**

|  |  |
| --- | --- |
|  ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH….. **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN……** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – hạnh phúc** |

**DANH SÁCH**

**Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số …..**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND huyện…… )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ tên NCUT | Tổng (3=4+5) | Năm sinh | Dân tộc | Nơi cư trú (thôn) | Trình độ học vấn/chuyên môn | Thành phần người có uy tín | Ghi chú |
| Nam | Nữ | Bí thư Chi bộ | Trưởng thôn, bản và tương đương | Trưởng ban công tác Mặt trận  | Già làng | Trưởng dòng họ, tộc trưởng | Cán bộ nghỉ hưu | Sư sãi, chức sắc tôn giáo | Thầy mo, thầy cúng, thầy lang | Nghệ nhân người DTTS | Nhân sĩ, trí thức người DTTS | Người sản xuất, doanh nhân | Đảng viên | Thành phần khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 |
| I | Xã A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II | Xã B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** - Cột (6): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT), ví đụ; dân tộc Thái, Tày, Ê đê, Khmer,…

 - Cột (7): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố…. nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.

 - Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)/trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học…).

 - Từ Cột (9) đến (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ…